TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **358**/2024/HSST
Ngày 23/12/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN

- Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Duy Chinh.
Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Nhung.
2. Bà Nguyễn Thị Kim Thu.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Đình Dũng, thư ký Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà*:* Bà Trần Thị Quỳnh Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2024 tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 338/2024/TLST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 360/2024/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 12 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Văn T; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 13 tháng 12 năm 2003, tại Thái Nguyên; Nơi cư trú: Xóm T, xã B, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: Không; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Con ông: Nguyễn Văn T1, sinh năm: 1966 (Đã chết); Con bà: Trương Thị Đ, sinh năm: 1973; Gia đình có 03 chị, em; Bị cáo là con thứ 3; Vợ: Na Thị Thu H, sinh năm: 2004; Có 01 con, sinh năm 2024; Tiền án, tiền sự: Không.

- Nhân thân: Tại Bản án số 558/2020/HSST ngày 08/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, áp dụng biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng thời hạn 15 tháng về hành vi "Trộm cắp tài sản". Chấp hành xong ngày 30/3/2022.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. *(Có mặt tại phiên tòa);*

Người bị hại: Anh Trần Trọng D, sinh năm 1984. *(Có đơn xin vắng mặt)*
Trú quán: Tổ A, phường T, thành phố T.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:
1. Chị Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm 1995;
2. Bà Trương Thị Đ, sinh năm 1973.
Đều trú quán: Xóm T, xã B, huyện P, tỉnh Thái Nguyên *(Có mặt tại phiên Tòa)*.

NHẬN THẤY

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Nguyễn Văn T là nhân viên của Công ty TNHH V, địa chỉ: Tổ C, phường T, thành phố T. Hồi 12 giờ 00 phút ngày 08/8/2024, T đi vào xưởng làm việc của công ty. Khi đi ngang qua nhà để xe thì T nhìn thấy chiếc xe ô tô nhãn hiệu Ford Territory, biển kiểm soát 20A-712.16 (là xe của anh Trần Trọng D, sinh năm 1984, HKTT: Tổ A, phường T, thành phố T) đang đỗ trong nhà xe. Do đang cần tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân nên T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản bên trong xe. T quan sát xung quanh không có ai nên T đi đến gần cửa ghế phụ rồi mở cửa xe và phát hiện xe không khóa. T bước lên xe ngồi vào ghế phụ rồi dùng tay mở hộc để đồ ở cạnh ghế phụ thì thấy có 01 chiếc ví giả da màu đen, bên trong có chứa tiền mặt. T đút chiếc ví vào trong túi quần trước bên phải rồi đóng cửa xe và đi bộ đến xưởng làm việc. Khi đến xưởng, T mở ví ra kiểm tra thấy bên trong có 03 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, 01 tờ tiền 20 đô la Mỹ, 01 tờ tiền 5 đô la Mỹ, 01 tờ tiền 2000 yên N, 01 thẻ ATM ngân hàng V1, 01 thẻ tín dụng ngân hàng V2, 01 căn cước công dân mang tên Trần Trọng D. T cất các tài sản ở trong người. Đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, T tan làm rồi điều khiển xe về nhà. Khi đi đến khu vực xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên thì T đi vào cây ATM rồi rút thử tiền trong thẻ ATM nhưng không rút được do T không có mật khẩu. Đối với những tờ tiền ngoại tệ, T đến tiệm vàng để đổi nhưng không đổi được. Sau đó, T đi đến khu vực cầu K thuộc xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên rồi lấy số tiền 1.500.000 đồng cất vào trong túi quần sau bên trái, số tiền ngoại tệ và các đồ vật còn lại T vứt xuống kênh. Đến ngày hôm sau, do sợ bị phát hiện nên T quay lại khu vực cầu K để tìm các tài sản đã vứt nhưng chỉ tìm thấy chiếc ví cùng với 01 căn cước công dân. T mang các đồ vật này về cất giấu tại nhà. Số tiền trộm cắp được, T đưa 500.000 đồng cho chị gái là Nguyễn Thị Ngọc A (sinh năm 1995, HKTT: Xóm T, xã B, huyện P, tỉnh Thái Nguyên) để trả góp tiền mua xe máy, số tiền còn lại T sử dụng để tiêu xài cá nhân hết. Đến ngày 21/8/2024, anh D có đơn trình báo sự việc trên gửi đến Cơ quan Công an để giải quyết theo quy định.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 206/KL-HĐĐGTS ngày 16/10/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố T kết luận: 01 (một) tờ tiền mệnh giá 20 đô la Mỹ, trị giá 499.400 đồng; 01 (một) tờ tiền mệnh giá 5 đô la Mỹ, trị giá 124.850 đồng; 01 (một) tờ tiền mệnh giá 2000 Y, trị giá 334.080 đồng; 01 (một) chiếc ví da màu đen, hình chữ nhật, dạng gập, đã qua sử dụng, không có cơ sở xác định giá trị của tài sản. Tổng cộng: **958.330** đồng (BL 44-45).

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nêu trên, lời khai nhận của T phù hợp với lời khai của người bị hại về thời gian, địa điểm, vị trí và đặc điểm của tài sản bị trộm cắp cũng như các tài liệu có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản xác định hiện trường, sơ đồ hiện trường, vật chứng thu giữ và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án (BL 17-22, 60-65).

Vật chứng của vụ án gồm: - Số tiền 1.500.000 Việt Nam đồng, 01 (một) tờ tiền mệnh giá 20 đô la Mỹ, 01 (một) tờ tiền mệnh giá 5 đô la Mỹ, 01 (một) tờ tiền mệnh giá 2000 Yên Nhật, 01 (một) thẻ ATM ngân hàng V1, 01 (một) thẻ tín dụng ngân hàng V2 (Hiện chưa thu hồi được).

- 01 chiếc ví giả da màu đen, hình chữ nhật, dạng gập, đã qua sử dụng; 01 CCCD số 019084003111 mang tên Trần Trọng D (Đã thu hồi). Ngày 28/10/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã ra Quyết định trả lại cho anh Trần Trọng D quản lí, sử dụng.

- 01 mũ bảo hiểm màu đen dạng mũ nửa đầu; 01 áo phông cộc tay màu đen, ngực trái có chữ ADIDAS, hai bên tay áo có 03 kẻ sọc trắng; 01 quần bò màu đen, cạp quần có chữ DESIGN túi quần phía sau bên phải có họa tiết kẻ sọc caro. Hiện đang được bảo quản tại kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

Về trách nhiệm dân sự: Nguyễn Văn T đã nhờ mẹ là bà Trương Thị Đ (sinh năm 1973, HKTT: Xóm T, xã B, huyện P, tỉnh Thái Nguyên) bồi thường cho anh Trần Trọng D số tiền 2.500.000 đồng. Anh D nhất trí và không có yêu cầu, đề nghị gì thêm. Phần dân sự đã giải quyết xong.

Bản cáo trạng số 340/CT-VKSNDTPTN ngày 12/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên truy tố Nguyễn Văn Tiến về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, trong phần luận tội đối với bị cáo, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên giữ nguyên quan điểm truy tố. Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội Trộm cắp tài sản. Đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; điểm b, h, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt Nguyễn Văn T từ 6 đến 9 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Xử lý vật chứng theo quy định. Phần dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản, nhận bồi thường và không yêu cầu gì về phần bồi thường dân sự. Bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Bị cáo, bị hại, người liên quan được quyền kháng cáo bản án.

Trong phần tranh luận: Bị cáo, người liên quan không có tranh luận gì.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo biết hành vi của mình là sai, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1] .Về hành vi, các quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.. không có ý kiến hoặc kiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó

các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] .Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã mô tả, bị cáo xác định Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên truy tố là đúng người, đúng tội. Xét thấy lời nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa là tự nguyện, khách quan, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về thời gian, địa điểm, vị trí và đặc điểm của tài sản bị trộm cắp cũng như các tài liệu có trong hồ sơ vụ án như: Đơn trình báo, Kết luận định giá tài sản, Biên bản xác định hiện trường, sơ đồ hiện trường, dữ liệu điện tử vật chứng thu giữ và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hồi 12 giờ ngày 08/8/2024, tại Công ty TNHH V thuộc tổ C, phường T, thành phố T, Nguyễn Văn T đã có hành vi trộm cắp của anh Trần Trọng D 01 chiếc ví giả da màu đen, bên trong có chứa 03 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, 01 tờ tiền 20 đô la Mỹ, 01 tờ tiền 5 đô la Mỹ, 01 tờ tiền 2000 yên N, 02 thẻ ngân hàng, 01 căn cước công dân mang tên Trần Trọng D (Đối với 01 chiếc ví giả da màu đen, dạng gập, đã qua sử dụng không có cơ sở để định giá). Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 2.458.330 đồng.

[3] Đánh giá của Hội đồng xét xử: Lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của công dân, bị cáo T đã có hành vi lén lút trộm cắp tài sản có giá trị là 2.458.330 đồng của người khác được pháp luật bảo vệ mà cụ thể là của anh D, nên hành vi trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội *"Trộm cắp tài sản"*. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên truy tố đối với bị cáo về tội danh và điều luật viện dẫn là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật

Nội dung điều 173 quy định:

" 1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng … thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm."

Do vậy bị cáo phải chịu hình phạt mà điều luật đã quy định.

[4] Xét tính chất, mức độ, hành vi vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi của bị cáo xâm phạm trực tiếp đến tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội. Do vậy, cần có mức án nghiêm minh, tương xứng với hành vi bị cáo đã gây ra để có đủ thời gian cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo là người có nhân thân xấu đã bị Toà án xét xử bằng bản án đã có hiệu lực pháp luật về hành vi Trộm cắp tài sản, đã chấp hành xong toàn bộ bản án về án phí và biện pháp tư pháp đưa vào cở sở giáo dưỡng theo quy định, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân để trở thành công dân có ích cho xã hội lại tiếp tục phạm tội với lỗi cố ý.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra bị cáo đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại; Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải;

Tài sản chiếm đoạt gây thiệt hại không lớn, do đó bị cáo được hưởng 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s, h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Từ những nội dung nêu trên Hội đồng xét xử thấy: Cần phải xử phạt bị cáo mức án từ 6 đến 8 tháng tù để đảm bảo việc răn đe và phòng ngừa chung và cũng phù hợp với mức đề nghị hình phạt đại diện Viện kiểm sát đối với bị cáo tại phiên tòa ngày hôm nay, tương xứng với nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tính chất, mức độ, hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra.

[6] Vật chứng của vụ án: - Số tiền 1.500.000 Việt Nam đồng, 01 (một) tờ tiền mệnh giá 20 đô la Mỹ, 01 (một) tờ tiền mệnh giá 5 đô la Mỹ, 01 (một) tờ tiền mệnh giá 2000 Yên Nhật, 01 (một) thẻ ATM ngân hàng V1, 01 (một) thẻ tín dụng ngân hàng V2 (Hiện chưa thu hồi được).

- 01 chiếc ví giả da màu đen, hình chữ nhật, dạng gập, đã qua sử dụng; 01 CCCD số 019084003111 mang tên Trần Trọng D (Đã thu hồi). Ngày 28/10/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã ra Quyết định trả lại cho anh Trần Trọng D quản lí, sử dụng.

- 01 mũ bảo hiểm màu đen dạng mũ nửa đầu; 01 áo phông cộc tay màu đen, ngực trái có chữ ADIDAS, hai bên tay áo có 03 kẻ sọc trắng; 01 quần bò màu đen, cạp quần có chữ DESIGN túi quần phía sau bên phải có họa tiết kẻ sọc caro. Xét vật chứng trên là công cụ phương tiện phạm tội và không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu huỷ.

- 02 USB chứa file video vụ án (được niêm phong theo quy định) được lưu kèm theo vụ án.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh D đã nhận lại tài sản và phần bồi thường và không có yêu cầu đề nghị bồi thường gì khác về phần dân sự. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[8] Về hình phạt bổ sung và án phí: - Về hình phạt bổ sung: Theo quy định khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự thì bị cáo có thể bị phạt tiền theo quy định sung quỹ nhà nước, nhưng xét thấy bị cáo làm nghề tự do thu nhập không ổn định, con bị cáo còn nhỏ mới sinh năm 2024, do vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo, bị hại, người liên quan được quyền kháng cáo bản án.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố:

1. Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản"

Căn cứ khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự, điểm b, h, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự.

2. Xử phạt: Nguyễn Văn T **6** *(sáu)* tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh D đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác.

4. Về vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật Hình sự. Tịch thu tiêu huỷ: - 01 mũ bảo hiểm màu đen dạng mũ nửa đầu; 01 áo phông cộc tay màu đen, ngực trái có chữ ADIDAS, hai bên tay áo có 03 kẻ sọc trắng; 01 quần bò màu đen, cạp quần có chữ DESIGN túi quần phía sau bên phải có họa tiết kẻ sọc caro.

Hiện được bảo quản tại kho vật chứng của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên theo tình trạng biên bản giao nhận vật chứng số 49 ngày 03/12/2024.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp **200.000**đồng *(Hai trăm ngàn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm vào ngân sách nhà nước.

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh TN;*
- *VKSND tỉnh TN;*
- *VKSND thành phố TN;*
- *Công an thành phố TN;*
- *Chi cục THADSTPTN;*
- *Sở tư pháp tỉnh Thái Nguyên;*
- *Bị cáo; Bị hại, người liên quan..*
- *Lưu HS; lưu BP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Duy Chinh